

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch Men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/5/2009
Bà Phan Thị Mỹ Linh	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 13/5/2009
Bà Phan Thị Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên	
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên	
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên	

2. Thành viên của Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Chương	Phó Tổng Giám đốc Từ nhiệm ngày 01/12/2009

3. Thành viên của Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khương Thị Chăm	Trưởng Ban
Ông Lê Xuân Thái	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

4. Những thay đổi đáng chú ý trong năm tài chính

Trong năm tài chính này, ngoại trừ việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty không có bất cứ những thay đổi đáng chú ý nào khác trong hoạt động kinh doanh của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 3600665643 ngày 09 tháng 12 năm 2009 thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

6. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

7. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

8. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

9. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

11. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

12. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2009.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính 2009.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Trịnh Bửu Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 18 tháng 3 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Số: 087c/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Gạch Men Thanh Thanh*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Báo cáo kiểm toán được phát hành vào ngày 30/3/2009 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các Thuyết minh số 7 – trang 18 – phần Thuyết minh các Báo cáo tài chính về việc điều chỉnh mức khấu hao của Lợi thế thương mại qua các năm và việc trình bày Lợi thế thương mại như một tài sản cố định vô hình.

Kiểm toán viên

Phó Giám đốc

Hồ Đắc Hiếu

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		107,087,450,113	109,729,200,425
I. Tiền	110	V.01	11,116,451,295	1,198,698,813
1. Tiền	111		4,916,451,295	1,198,698,813
2. Các khoản tương đương tiền	112		6,200,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	383,350,000	157,840,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		741,000,000	741,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(357,650,000)	(583,160,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	13,883,601,138	21,221,953,350
1. Phải thu khách hàng	131		13,202,334,413	17,336,866,172
2. Trả trước cho người bán	132		590,986,826	361,049,954
3. Các khoản phải thu khác	138		646,412,283	4,080,169,608
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(556,132,384)	(556,132,384)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	80,043,575,960	86,869,998,668
1. Hàng tồn kho	141		80,263,575,960	87,473,694,933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(220,000,000)	(603,696,265)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	1,660,471,720	280,709,594
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		224,720,737	194,932,270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,223,549,519	-
3. Các khoản thuế phải thu	154		38,814,140	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		173,387,324	85,777,324
B. Tài sản dài hạn	200		69,273,201,960	83,291,967,231
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		62,823,201,960	76,341,967,231
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	60,088,232,066	71,167,934,131
- Nguyên giá	222		233,314,755,573	229,598,748,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173,226,523,507)	(158,430,813,869)
2. TSCĐ vô hình	227	V.07	2,734,969,894	2,945,352,194
- Nguyên giá	228		4,207,646,000	4,207,646,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,472,676,106)	(1,262,293,806)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2,228,680,906
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	6,450,000,000	6,950,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,500,000,000	2,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3,030,000,000	3,030,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		176,360,652,073	193,021,167,656

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		105,495,700,626	121,406,136,392
I. Nợ ngắn hạn	310		97,273,102,144	109,850,424,799
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	56,347,086,415	55,914,434,315
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	36,246,874,853	49,176,219,456
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	443,861,847	150,597,143
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	84,603,824	214,691,876
5. Phải trả công nhân viên	315	V.12	2,243,799,136	2,070,603,075
6. Chi phí phải trả	316	V.13	256,698,636	130,065,622
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1,650,177,433	2,193,813,312
II. Nợ dài hạn	330	V.15	8,222,598,482	11,555,711,593
1. Phải trả dài hạn khác	333		5,420,000,000	6,190,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		2,802,598,482	5,330,558,281
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	35,153,312
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.16	70,864,951,447	71,615,031,264
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		69,932,856,059	70,936,031,896
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424,272,909	424,272,909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652,100,000)	(652,100,000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		(194,789,995)	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,267,122,819	3,915,301,464
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,472,865,606	1,078,865,606
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100,000,000	100,000,000
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,278,260,020	5,832,467,217
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		932,095,388	678,999,368
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		932,095,388	678,999,368
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		176,360,652,073	193,021,167,656
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			7,450,700	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH (USD)			204,249.08	887.97
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng	01		199,783,738,941	284,465,882,064
2. Các khoản giảm trừ	03		1,812,853,636	1,419,895,015
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	197,970,885,305	283,045,987,049
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	180,702,415,706	255,852,697,714
5. Lợi nhuận gộp	20		17,268,469,599	27,193,289,335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	549,483,981	922,276,221
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5,040,811,792	8,141,060,087
- Trong đó: lãi vay	23		4,996,072,358	7,390,847,609
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5,266,381,653	7,680,334,400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	5,678,370,278	5,897,213,383
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1,832,389,857	6,396,957,686
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1,025,644,097	1,689,053,389
12. Chi phí khác	32	VI.08	2,364,146,604	202,097,167
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(1,338,502,507)	1,486,956,222
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		493,887,350	7,883,913,908
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	202,273,192	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		291,614,158	7,883,913,908
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		49	1,419

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	493,887,350	7,883,913,908
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	15,168,091,938	15,379,517,491
Các khoản dự phòng	03	(609,206,265)	1,177,301,104
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(194,789,995)	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(536,095,831)	(697,761,011)
Chi phí lãi vay	06	4,996,072,358	7,390,847,609
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	19,317,959,555	31,133,819,101
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7,488,378,553	6,069,636,164
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	7,210,118,973	(30,699,534,286)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(13,811,993,061)	(9,281,699,031)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(29,788,467)	(104,023,178)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4,869,439,344)	(7,390,847,609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(288,523,062)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(846,903,980)	(802,770,690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14,169,809,167	(11,075,419,529)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1,649,326,667)	(3,157,312,179)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	21,000,000	333,580,952
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,500,000,000)	(5,030,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500,000,000	3,014,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	515,095,831	531,482,562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,113,230,836)	(4,308,248,665)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	20,237,224,700
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(490,160,000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	163,690,837,601	180,231,979,050
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(165,786,145,300)	(183,268,252,752)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(43,518,150)	(4,963,854,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,138,825,849)	11,746,936,998
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,198,698,813	4,835,430,009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	11,116,451,295	1,198,698,813

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Biên Hoà, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Men Thanh Thanh – Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4703000091 ngày 02 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 ngày 09 tháng 12 năm 2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 3600665643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là:

59.923.480.000 đồng

Cổ đông góp vốn	Giá trị vốn góp theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 30/6/2009
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	20.400.000.000 đồng	20.400.000.000 đồng
Các cổ đông khác	39.523.480.000 đồng	39.523.480.000 đồng
Cổ phiếu quỹ	-	(652.100.000) đồng
Cộng	59.923.480.000 đồng	59.271.380.000 đồng

Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số công nhân viên Công ty: 577 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
- Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chính sách kế toán với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hoá Công ty Gạch men Thanh Thanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Lợi thế thương mại	5%/năm – 10%/năm

6. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

7. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập với tỷ lệ 3% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

9. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

10. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ tài Chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính và các quy định có liên quan khác, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Năm tài chính 2009 là năm thứ sáu Công ty có thu nhập chịu thuế nên Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ lần lượt là 20%; 3% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 18% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 7% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động.

12. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

13. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên có liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt		826,137,422	820,208,014
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	4,090,313,873	378,490,799
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	6,200,000,000	-
Cộng		11,116,451,295	1,198,698,813

(1.1) Bao gồm:

Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (204,249.08 USD)		3,664,432,744	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (22.47 EUR)		447,170	
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		425,433,959	
Cộng			4,090,313,873

(1.2) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai hợp đồng nguyên tắc tiền gửi có kỳ hạn không ghi số .../HĐTĐ-KTNQ/09 ký ngày 19/6/2009, lãi suất theo lãi suất hiện hành của VAB.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư ngắn hạn		741,000,000	741,000,000
Cộng		741,000,000	741,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.1)	(357,650,000)	(583,160,000)
Giá trị thuần khoản đầu tư ngắn hạn		383,350,000	157,840,000

(2.1): Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Tên cổ phiếu	Số lượng tồn	Đơn giá tồn bình quân	Giá trị đầu tư	Đơn giá thị trường	Trị giá dự phòng
REE	2,800	97,143	272,000,000	44,500	(147,400,000)
DHA	3,000	67,667	203,000,000	44,000	(71,000,000)
SSI	1,500	177,333	266,000,000	84,500	(139,250,000)
Cộng	7,300		741,000,000		(357,650,000)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng	(3.1)	13,202,334,413	17,336,866,172
Trả trước người bán	(3.2)	590,986,826	361,049,954
Phải thu khác	(3.3)	646,412,283	4,080,169,608
Cộng		14,439,733,522	21,778,085,734
Dự phòng phải thu khó đòi		(556,132,384)	(556,132,384)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		13,883,601,138	21,221,953,350

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.1) Bao gồm:	31/12/2009	
Phải thu khách hàng bằng VND	13,151,561,383	
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ (2,830.00 USD)	50,773,030	
Cộng		13,202,334,413
(3.2) Bao gồm:	31/12/2009	
Trả trước người bán bằng ngoại tệ (27,510.00 USD)	493,556,910	
Trả trước người bán bằng VND	97,429,916	
Cộng		590,986,826
(3.3) Bao gồm:	31/12/2009	
Khoản tiền cho mượn thanh toán không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	450,000,000	
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	17,141,533	
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng	156,870,750	
Và các khoản phải thu khác	22,400,000	
Cộng		646,412,283
4. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	23,937,528,586	30,001,066,307
Công cụ, dụng cụ	1,880,249,025	2,093,051,864
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	756,041,195	473,340,000
Thành phẩm	53,535,555,636	54,612,540,156
Hàng hoá	154,201,518	293,696,606
Cộng giá gốc hàng tồn kho	80,263,575,960	87,473,694,933
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(220,000,000)	(603,696,265)
Giá trị thuần có thể thực hiện	80,043,575,960	86,869,998,668
5. Tài sản ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí trả trước ngắn hạn (5.1)	224,720,737	194,932,270
Thuế GTGT được khấu trừ	1,223,549,519	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (5.2)	38,814,140	-
Tạm ứng đến nhân viên Công ty	102,107,324	85,777,324
Khoản ký quỹ thuê kho An Sương	71,280,000	-
Cộng	1,660,471,720	280,709,594

(5.1) Chủ yếu là công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

(5.2) Thuế TNDN nộp thừa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	23,687,500,786	200,820,540,732	4,804,468,830	286,237,652	229,598,748,000
Tăng	-	2,228,680,906	1,649,326,667	-	3,878,007,573
Giảm	-	-	162,000,000	-	162,000,000
Số dư cuối kỳ	23,687,500,786	203,049,221,638	6,291,795,497	286,237,652	233,314,755,573
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	14,850,548,322	139,583,757,249	3,710,270,646	286,237,652	158,430,813,869
Tăng	1,087,555,658	13,482,596,942	387,557,038	-	14,957,709,638
Giảm	-	-	162,000,000	-	162,000,000
Số dư cuối kỳ	15,938,103,980	153,066,354,191	3,935,827,684	286,237,652	173,226,523,507
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	8,836,952,464	61,236,783,483	1,094,198,184	-	71,167,934,131
Số dư cuối kỳ	7,749,396,806	49,982,867,447	2,355,967,813	-	60,088,232,066

TSCĐ tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng và mua sắm mới. TSCĐ giảm do thanh lý, nhượng bán.

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.306.781.383 đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn là 73.190.615.291 đồng

7. Tài sản cố định vô hình

	Lợi thế thương mại	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4,207,646,000	4,207,646,000
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	4,207,646,000	4,207,646,000
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1,262,293,806	1,262,293,806
Tăng	210,382,300	210,382,300
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	1,472,676,106	1,472,676,106
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	2,945,352,194	2,945,352,194
Số dư cuối kỳ	2,734,969,894	2,734,969,894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hóa Công ty Gạch men Thanh Thanh. Giá trị lợi thế thương mại đã được hạch toán là tài sản cố định vô hình và trích khấu hao với tỷ lệ 5%/năm trong các năm từ 2004 đến năm 2007. Năm 2008, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 10%/năm. Năm 2009, Công ty thực hiện trích khấu hao với tỷ lệ là 5%/năm.

Công ty đang soạn thảo Công văn gửi Bộ Tài chính đề cập đến việc ghi nhận giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh từ quá trình cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước có được xem là tài sản cố định vô hình, và thời gian phân bổ của giá trị lợi thế thương mại này.

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư vào Công ty con	(8.1)	1,500,000,000	2,000,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết	(8.2)	1,920,000,000	1,920,000,000
Đầu tư dài hạn khác	(8.3)	3,030,000,000	3,030,000,000
Cộng		6,450,000,000	6,950,000,000

(8.1): Đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại VLXD Thanh Thanh (vốn điều lệ là 6 tỷ đồng). Tính đến 30/6/2009, Công ty chỉ góp vốn vào công ty này là 2 tỷ đồng. Do Công ty dự định giải thể công ty con này, nên trong 6 tháng cuối năm 2009, Công ty đã rút vốn đầu tư là 500 triệu đồng. Số dư khoản đầu tư vào công ty con đến 31/12/2009 là 1,5 tỷ đồng.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chính thức giải thể công ty con này.

(8.2): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng chiếm 24% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 8 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã nhận được khoản cổ tức được chia từ khoản đầu tư này là 153.600.000 đồng bằng tiền mặt.

(8.3): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng (trong đó, 290.000 cổ phiếu mang tên Công ty và 10.000 cổ phiếu chuyển sang mang tên Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 24/9/2007) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 11,53% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 26 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	54,349,684,897	51,873,876,865
Vay ngắn hạn bằng ngoại tệ (USD)	-	3,657,552,450
Vay ngắn hạn bằng ngoại tệ (EUR)	-	383,005,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1,997,401,518	-
Cộng	56,347,086,415	55,914,434,315

Chi tiết các khoản nợ vay

Vay từ	Số dư nợ vay đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển				
Đồng Nai (9.1)	55,914,434,315	163,690,837,601	165,255,587,019	54,349,684,897
Nợ dài hạn đến hạn trả (9.2)	-	1,997,401,518	-	1,997,401,518
Cộng	55,914,434,315	165,688,239,119	165,255,587,019	56,347,086,415

(9.1) Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 08/2009/HĐ ngày 04/3/2009 với hạn mức tín dụng là 75 tỷ đồng (bao gồm cả vay bằng VND và ngoại tệ). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, thời gian đáo hạn là 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay bằng VND là 9,2%/năm và lãi suất vay bằng ngoại tệ (USD) là 6%/năm. Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay này được thuyết minh chi tiết tại mục số 6.

(9.2): Phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1.

10. Phải trả người bán và người mua ứng trước	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	(10.1) 36,246,874,853	49,176,219,456
Người mua ứng trước	(10.2) 443,861,847	150,597,143
Cộng	36,690,736,700	49,326,816,599

(10.1) Bao gồm:

Phải trả người bán bằng ngoại tệ (77,892.00 USD)	1,397,460,372	
Phải trả người bán bằng VND	34,849,414,481	
Cộng		36,246,874,853

(10.2) Bao gồm:

Người mua ứng trước bằng ngoại tệ (8,795.00 USD)	157,791,095	
Người mua ứng trước bằng VND	286,070,752	
Cộng		443,861,847

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2009	01/01/2009
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT đầu ra còn phải nộp	-	213,169,476
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	81,580,752	-
Thuế khác	3,023,072	1,522,400
Cộng	84,603,824	214,691,876
	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
12. Phải trả công nhân viên	2,243,799,136	2,070,603,075
13. Chi phí phải trả	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí lãi vay còn phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	256,698,636	130,065,622
Cộng	256,698,636	130,065,622
14. Phải trả khác	31/12/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn	108,706,561	37,369,986
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp còn phải nộp	241,296,530	448,117,460
Cổ tức còn phải trả cho các cổ đông	11,650,000	54,925,000
Phải trả Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng cấp tay nghề công nhân	700,000,000	1,000,000,000
Phải trả về chi phí bảo hành máy nghiền	-	43,518,150
Khoản thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	550,270,637	550,270,637
Các khoản khác	38,253,705	59,612,079
Cộng	1,650,177,433	2,193,813,312
15. Nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5,420,000,000	6,190,000,000
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	4,800,000,000	5,330,558,281
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả (Mục 9.2)	(1,997,401,518)	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	35,153,312
Cộng	8,222,598,482	11,555,711,593

Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo hợp đồng vay vốn số 02/07/HĐVV-TTHANH ngày 25/12/2006 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Ngày đáo hạn là 31/12/2011, lãi suất 0,2%/tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Vốn góp	59,923,480	-	-	59,923,480
Thặng dư cổ phần	313,745	-	-	313,745
Vốn khác chủ sở hữu	424,273	-	-	424,273
Cổ phiếu quỹ	(652,100)	-	-	(652,100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(194,790)	-	(194,790)
Quỹ đầu tư phát triển	3,915,301	1,351,821	-	5,267,123
Quỹ dự phòng tài chính	1,078,866	394,000	-	1,472,866
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	678,999	1,100,000	846,904	932,095
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100,000	-	-	100,000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,832,467	291,614	2,845,821	3,278,260
Cộng	71,615,031	2,942,646	3,692,725	70,864,951

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1,351,821,355
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	394,000,000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,100,000,000
Cộng	2,845,821,355

16. a. Chi tiết vốn đầu tư

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn Nhà nước	20,400,000	20,400,000	-	20,400,000	20,400,000	-
Vốn cổ đông	39,523,480	39,523,480	-	39,523,480	39,523,480	-
Thặng dư	313,745	313,745	-	313,745	313,745	-
CP quỹ	(652,100)	(652,100)	-	(652,100)	(652,100)	-
Cộng	59,585,125	59,585,125	-	59,585,125	59,585,125	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. b. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5,992,348	5,992,348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5,992,348	5,992,348
- Cổ phiếu thường	5,992,348	5,992,348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	51,820	51,820
- Cổ phiếu thường	51,820	51,820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,940,528	5,940,528
- Cổ phiếu thường	5,940,528	5,940,528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. c. Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế 31/12/2009
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	34.04%	20,400,000,000	20,400,000,000
Và các cổ đông khác	65.96%	39,523,480,000	39,523,480,000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(652,100,000)
Cộng	100.00%	59,923,480,000	59,271,380,000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	199,783,738,941	284,465,882,064
Cộng	199,783,738,941	284,465,882,064
Trừ Các khoản giảm trừ doanh thu	1,812,853,636	1,419,895,015
- Chiết khấu thương mại	1,412,597,627	1,178,730,305
- Hàng bán bị trả lại	385,018,551	218,300,125
- Giảm giá hàng bán	15,237,458	22,864,585
Doanh thu thuần	197,970,885,305	283,045,987,049

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2009	Năm 2008
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	181,086,111,971	255,852,697,714
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	220,000,000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(603,696,265)	-
Cộng	180,702,415,706	255,852,697,714
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, cho vay	353,535,831	366,882,562
Cổ tức, lợi nhuận được chia	161,560,000	164,600,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	34,388,150	390,793,659
Cộng	549,483,981	922,276,221
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	4,996,072,358	7,390,847,609
Lỗ chênh lệch tỷ giá	270,249,434	167,052,478
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(225,510,000)	583,160,000
Cộng	5,040,811,792	8,141,060,087
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí lương nhân viên	1,121,882,947	1,197,365,781
Chi phí khấu hao TSCĐ	44,490,277	21,327,148
Chi phí dự phòng	24,220,657	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,866,655,407	3,485,300,868
Chi phí bằng tiền khác	1,209,132,365	2,976,340,603
Cộng	5,266,381,653	7,680,334,400
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	2,285,607,463	2,457,910,574
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	459,126,224	710,840,070
Chi phí khấu hao TSCĐ	211,543,860	194,069,199
Chi phí dự phòng	54,795,306	-
Thuế, phí và lệ phí	882,933,733	460,280,615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520,240,753	676,992,691
Chi phí bằng tiền khác	1,264,122,939	1,397,120,234
Cộng	5,678,370,278	5,897,213,383

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	21,000,000	333,580,952
Thu nhập do thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	773,130,097	-
Nhượng bán vật tư	-	107,555,350
Thu nhập từ việc xử lý công nợ không thể thu hồi	211,750,000	-
Thu nhập do kiểm kê hàng tồn kho	19,764,000	-
Các khoản khác	-	1,247,917,087
Cộng	1,025,644,097	1,689,053,389

8. Chi phí khác	Năm 2009	Năm 2008
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	167,302,503
Giá vốn vật tư nhượng bán	-	34,794,664
Chi phí xử lý tài sản thiếu do kiểm kê	8,466,609	-
Xử lý các khoản công nợ không thể thu hồi	7,450,700	-
Khoản thuế thu nhập phải nộp thêm từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất	81,580,752	-
Chi phí khấu hao của những tài sản cố định không đưa vào quá trình sản xuất, kinh doanh	2,266,648,543	-
Cộng	2,364,146,604	202,097,167

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2009
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	493,887,350
Lợi nhuận kế toán trước thuế	493,887,350
Cộng các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	98,000,000
Cộng chi phí khấu hao của tài sản cố định không đưa vào sản xuất	2,266,648,543
Trừ lãi do nhận cổ tức, lợi nhuận được chia	(161,560,000)
Lợi nhuận chịu thuế	2,696,975,893
Thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh chính (15%)	404,546,384
Thuế TNDN được giảm (50%)	(202,273,192)
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	202,273,192

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải thể Công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại VLXD Thanh Thanh.

Công ty đang soạn thảo Công văn gửi Bộ Tài chính đề cập đến việc ghi nhận giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh từ quá trình cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước có được xem là tài sản cố định vô hình, và thời gian phân bổ của giá trị lợi thế thương mại này.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ với các bên hữu quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	Nhà đầu tư	Chi phí lãi vay	(126,633,014)
Công ty TNHH MTV VLXD Thanh Thanh	Công ty con	Bán hàng	183,937,570
Công ty cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(1,050,736,250)
Công ty Havali Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(75,960,000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Bán hàng	3,551,722,440
		Mua hàng	(310,704,545)
Công ty CP Đá Phước Hoà Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(1,932,324,238)
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty lên kết	Mua hàng	(7,856,504,687)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư	Phải thu / (Phải trả)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	Nhà đầu tư	Phải trả (Lãi vay)	(256,698,636)
		Phải trả khác (kinh phí đào tạo)	(700,000,000)
		Phải trả khác (chi hộ)	(2,099,500)
		Phải trả (Gốc vay)	(4,800,000,000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Phải thu (Bán hàng)	40,699,988
Công ty CP Đá Phước Hoà Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(245,679,239)
Công ty cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(280,028,555)
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty lên kết	Phải trả (mua hàng)	(2,409,858,100)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 18 tháng 3 năm 2010

Tổng Giám đốc